TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Trần Trung Nhân**

2. Ông **Tống Văn Tư**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2019/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp *"Xin Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Kiều T,** sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn G,** sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa; Anh G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Kiều T trình bày*:

Chị và anh Phan Văn G xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 06/2019 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh G nhiều lần đánh đập chị và không quan tâm đến gia đình. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung tên Phan Thị Thanh H, sinh ngày 20/3/2007 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai đề ngày 05/8/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn G trình bày:* Về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh có ghen tuông nên cũng có đánh chị T 1 – 2 lần. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của chị và anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện C, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung giữa chị và anh G nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Anh G là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa xét xử vụ án chị T xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh G xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 02 ngày 27/12/2004, nên xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Theo lời chị T khai, anh - chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 06/2019 đến nay. Nguyên nhân do do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh G nhiều lần đánh đập chị và không quan tâm đến gia đình. Còn theo anh G mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo lời anh khai tại biên bản hòa giải do Tòa án lập

thì anh cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và anh có ghen tuông nên cũng có đánh chị T 1 – 2 lần. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh G để dự phiên tòa xét xử việc chị T xin ly hôn anh, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T. Đồng thời, xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho chị T được ly hôn với anh G là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung tên Phan Thị Thanh H, sinh ngày 20/3/2007. Hiện đang sống với chị T từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định. Đồng thời qua lời khai tham khảo cháu H cũng có nguyện vọng sống với chị T, nên không cần xáo trộn tình cảm của con chung mà tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Kiều T.

Cho chị Bùi Thị Kiều T được ly hôn với anh Phan Văn G.

[2]. Về con chung:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Bùi Thị Kiều T .

Giao con chung tên Phan Thị Thanh H, sinh ngày 20/3/2007 cho chị T nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí:

- Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002058 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như chị T đã thi hành xong phần án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với người vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã K, huyện C, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM VĂN NHỊN